

ĐỘNG CƠ HỌC TẬP THEO LÍ THUYẾT VỀ SỰ TỰ QUYẾT

TS. BÙI THỊ THÚY HẰNG
Đại học Quốc gia Hà Nội

Động cơ (ĐC) là một trong những thành tố tâm lí quan trọng trong quá trình học tập. Chính vì vậy ĐC học tập của học sinh (HS), sinh viên (SV) luôn là một chủ đề thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu trong lĩnh vực tâm lí - giáo dục ở Việt Nam và trên thế giới. Nhiều lí thuyết, nhiều cách phân loại và nhiều công cụ đánh giá ĐC học tập được giới thiệu và nghiên cứu trên các khách thể HS, SV Việt Nam: ĐC nhận thức, ĐC xã hội; ĐC bên ngoài, ĐC trong ; ĐC tiêu cực, ĐC bên ngoài, ĐC xã hội (Phạm Thị Đức, 1994) [1], ĐC gần, ĐC xa, ĐC nhận thức, ĐC âm tính (Lê Ngọc Lan, 1994) [2], ĐC nhận thức khoa học, ĐC xã hội, ĐC nghề nghiệp, ĐC tự khẳng định mình (Dương Thị Kim Oanh, 2008) [3].

Bài viết này sẽ giới thiệu một cách phân loại ĐC theo lí thuyết về sự tự quyết (*Self-determination theory*) và một vài kết quả nghiên cứu dựa theo lí thuyết, qua đó cho chúng ta thấy tầm quan trọng của việc ứng dụng lí thuyết trong thực tiễn dạy học.

A. Phân loại ĐC theo Lí thuyết về sự tự quyết*

Lí thuyết về tính tự quyết là một lí thuyết về ĐC của con người được xây dựng và phát triển do các nhà tâm lí học người Mỹ E. Deci và R. Ryan vào giữa những năm 80 của thế kỉ trước. Lí thuyết này giới thiệu một cách phân loại ĐC, thành 3 loại, trong đó, ĐC bên ngoài gồm 4 mức. được sắp xếp theo mức độ tự chủ (*autonomous*) từ thấp đến cao.

1. ĐC bên ngoài, theo Ryan & Deci (2000) [4] gắn với việc thực hiện một hành động nhằm đạt được một kết quả không có liên quan đến hành động. Ví dụ : Một đứa trẻ đến trường chỉ vì nó sợ những hình phạt của bố mẹ. Ở đây ĐC đi học của đứa trẻ là ĐC bên ngoài vì hành động của nó hướng đến một mục tiêu không liên quan đến việc đi học: tránh bị phạt.

1.1 *Mức độ kém tự chủ nhất là điều chỉnh bên ngoài (external regulation)*. Đối với loại ĐC này, các hành vi được thực hiện bởi những yêu cầu từ bên ngoài, để đạt được một phần thưởng hay tránh một hình phạt. (Ví dụ: Một HS ôn thi chỉ vì mong muốn đạt được điểm cao).

1.2 *Tiếp theo là điều chỉnh nội nhập (introjected regulation)*. Đây là một loại ĐC bị kiểm soát. Trong trường hợp này, các cá nhân thực hiện hành vi bởi các sức ép từ bên trong (Ví dụ : Tôi chuẩn bị bài đầy đủ trước khi tới lớp vì tôi cảm thấy xấu hổ nếu không làm) hay những ảnh hưởng từ bên ngoài để đạt được sự khen ngợi hay niềm kiêu hãnh (Ví dụ : Tôi chăm chỉ làm bài trên lớp để cô giáo nghĩ rằng tôi là học trò siêng năng).

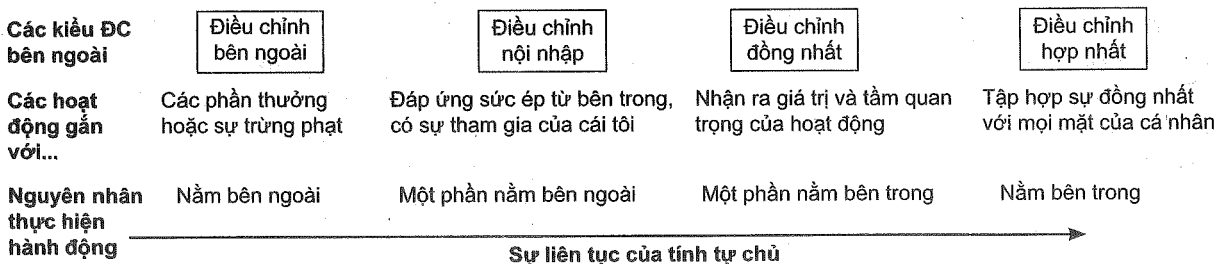
1.3 *Tiến tới một mức độ tự chủ cao hơn, đó là điều chỉnh đồng nhất (identified regulation)*. ĐC này xuất hiện khi cá nhân đánh giá cao hành vi đang thực hiện, thấy nó là quan trọng và lựa chọn hành vi đó một cách tự nguyện (Ví dụ : HS tự nguyện làm các bài tập cô giáo giao vì việc đó giúp em hiểu rõ hơn bài học trên lớp).

1.4 *Loại ĐC bên ngoài có mức độ tự chủ cao nhất- đó là điều chỉnh hợp nhất (integrated regulation)*. Ở loại ĐC này, các hành vi được thực hiện bởi vì nó hoàn toàn phù hợp với cá nhân. Ví dụ: Một HS chọn ngành y khoa bởi vì khi làm nghề y em có thể giúp đỡ được nhiều người và điều này cũng phù hợp với sở thích và mong muốn của em.

2. ĐC bên trong gắn với việc thực hiện hành vi bởi những hứng thú liên quan trực tiếp đến hành động chứ không phải bởi một kết quả không có

* Sự tự quyết: *Self-determination*

Hình 1: Sự liên tục của nội hóa biểu thị các kiểu ĐC bên ngoài theo lí thuyết về sự tự quyết (Niemec & Ryan, 2009) [5]



liên quan (Ví dụ : Một SV đi học đầy đủ và tích cực một lớp học tiếng Anh bởi vì em thấy thích thú với những kiến thức em học được sau mỗi buổi học). Đó là sự phân biệt cơ bản nhất giữa ĐC bên trong với ĐC bên ngoài.

3. Không có ĐC là trạng thái không có mong muốn và không có ý định thực hiện hành động. Đối với những người không có ĐC, hành động của họ không bắt nguồn từ ý muốn chủ quan nên họ không cảm thấy mình có năng lực và vì thế mà không đạt được kết quả như mong đợi (Ví dụ : Tôi chẳng hiểu tại sao phải làm bài tập ở nhà).

Theo lí thuyết này, chỉ ở ĐC bên trong và hai loại ĐC bên ngoài (điều chỉnh đồng nhất và điều chỉnh hợp nhất) là những loại ĐC mang tính tự quyết.

B. Vai trò của ĐC tự quyết đối với việc học tập

Rất nhiều nghiên cứu dựa trên lí thuyết về tính tự quyết đã chỉ ra rằng những HS có ĐC học tập mang tính tự quyết thường áp dụng các phương pháp học tập có hiệu quả, có thái độ, tình cảm tích cực đối với học đường và kết quả học tập tốt.

1. ĐC tự quyết và các phương pháp học tập hiệu quả

Trong một nghiên cứu trên HS tiểu học ở Nhật Bản, các tác giả Yamauchi & Tanaka (1998) đã cho thấy rằng những HS học tập với ĐC bên trong và sự điều chỉnh đồng nhất thường áp dụng những chiến lược xử lí thông tin sâu (ví dụ: Khi đọc một văn bản, tôi cố gắng tìm hiểu chủ đề và ý nghĩa khái quát của nó). Ngược lại, những HS có sự điều chỉnh bên ngoài chiếm ưu thế thường lựa chọn chiến lược học tập sai lệch (ví dụ: Tôi dễ dàng từ bỏ những nhiệm vụ học tập khó khăn).

Khi nghiên cứu trên các SV Trung Quốc nhập cư tại Bỉ, tác giả Vansteenkiste và cộng sự (2005, xem trong Bùi Thị Thúy Hằng, 2007 [7]) đã cho thấy một ĐC học tập mang tính tự quyết gắn liền với một chiến lược học tập phù hợp. Đó là sự tập trung cao độ trong học tập, sự quản lí tốt về mặt thời gian dành cho việc học tập, xử lí các thông tin một cách hiệu quả.

2. ĐC tự quyết và tình cảm tích cực

Rất nhiều nghiên cứu trên HS cuối bậc tiểu học đã chỉ ra những ảnh hưởng của ĐC tự quyết đến xúc cảm và tình cảm học đường.

Các nghiên cứu này được khởi xướng từ việc xây dựng một bảng hỏi về ĐC học tập theo lí thuyết về sự tự quyết (*Academic self-regulation questionnaire*) của hai nhà tâm lí học người Mỹ Ryan & Connell. Họ đã hỏi HS về các lí do tại sao các em đến trường và tham gia vào các hoạt động học tập. Bốn loại lí do:

lí do bên ngoài, nội nhập, đồng nhất và bên trong được phân biệt tương ứng với bốn kiểu ĐC: ĐC bên ngoài, điều chỉnh nội nhập, điều chỉnh đồng nhất và ĐC bên trong được trình bày trong phần lí thuyết về sự tự quyết.

Khi phân tích mối liên hệ giữa ĐC học tập và tình cảm, các tác giả Ryan & Connell [6] đã chỉ ra rằng ĐC bên trong và điều chỉnh đồng nhất gắn liền với sự thích thú, tính ham hiểu biết, thái độ và tình cảm tích cực. Ngược lại, hai loại ĐC là điều chỉnh bên ngoài và điều chỉnh nội nhập có mối tương quan tỉ lệ thuận với sự lo lắng, nổi tức giận, chán nản, tuyệt vọng và thái độ tiêu cực. Những kết quả này cũng được chỉ ra trong hàng loạt các nghiên cứu của Patrick, Skinner & Connell, (1983); Miserandino, (1996); Vansteenkiste et al. (2005, [theo 7]).

3. ĐC tự quyết và sự thành công

Khi nghiên cứu trên các khách thể là HS từ 8 đến 9 tuổi ở Mỹ, tác giả Miserandino [theo 7] chỉ ra rằng những HS có ĐC học tập mang tính tự quyết sẽ đạt được điểm cao hơn trong các môn toán, ngôn ngữ, chính tả, khoa học xã hội.

Tương tự như vậy, khi nghiên cứu trên SV Trung Quốc sống ở trong nước và nhập cư tại Bỉ, tác giả Vansteenkiste cùng các cộng sự (2005) cũng thấy rằng ĐC học tập mang tính tự quyết có mối quan hệ tích cực đến kết quả học tập: những SV có ĐC mang tính tự quyết sẽ đạt được kết quả học tập tốt.

Kết quả của các nghiên cứu trình bày ở trên đã khẳng định vai trò quan trọng của ĐC tự quyết trong học tập. Vậy những yếu tố nào thúc đẩy sự triển ĐC tự quyết? Các nghiên cứu dưới đây tập trung vào việc tìm ra lời giải đáp cho câu hỏi này.

C. Những yếu tố tác động đến ĐC tự quyết của người học

1. Phong cách, ngôn ngữ và mối quan hệ liên cá nhân

Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng phong cách và ngôn ngữ của người hướng dẫn có ảnh hưởng đến ĐC bên trong của người học/người chơi. Nghiên cứu của Ryan, Mim & Koestner (1983) [6] cho thấy việc trao phần thưởng dưới hình thức ép buộc như "các em phải thế này", "các em phải thế kia" sẽ làm giảm ĐC bên trong. Tuy nhiên việc trao phần thưởng dưới hình thức kích thích tính tự chủ không làm giảm ĐC này. Các kết quả tương tự cũng được tìm thấy khi các nhà nghiên cứu thiết lập các quy tắc về hành vi cho trẻ em. Khi những quy tắc được đưa ra một cách gò ép, nó sẽ làm giảm ĐC bên trong đối với hoạt động trong khi những quy tắc



được đưa ra trên cơ sở tôn trọng tính tự chủ của trẻ em (không gây sức ép, đề xuất các lựa chọn, hiểu được tình cảm và mong muốn của trẻ) sẽ không gây hại đến ĐC bên trong.

Reeve & Deci (1996) cũng khẳng định kết quả này khi họ nghiên cứu về ảnh hưởng của sự cạnh tranh đến ĐC bên trong. Ảnh hưởng tiêu cực của sự cạnh tranh chỉ tìm thấy khi mối quan hệ giữa các cá nhân mang tính chất gò bó mà không thấy trong các mối quan hệ kích thích tính tự chủ.

2. Không khí lớp học

Nhiều nhà nghiên cứu tập trung phân tích ảnh hưởng của không khí lớp học đến ĐC bên trong. Theo họ, không khí lớp học kích thích tính tự chủ là môi trường cởi mở mà ở đó giáo viên hiểu được mong muốn và tình cảm của người học, cung cấp những thông tin có giá trị, những lựa chọn, hạn chế tối đa việc gây sức ép và đòi hỏi. Người giáo viên kích thích tính tự chủ luôn cung cấp cho người học những thông tin cần thiết và khuyến khích họ khai thác chúng để giải quyết các vấn đề theo cách riêng của mình. Ngược lại, người giáo viên độc đoán thường ép buộc người học hành động bằng cách sử dụng các phần thưởng hay áp dụng các hình thức kỉ luật.

Trong nghiên cứu của Deci và cộng sự (1981) [7], các giáo viên được yêu cầu tự đánh giá cách thức làm việc của họ nhằm tìm hiểu xem họ là người khích lệ tính tự chủ của người học hay là người độc đoán. Tiếp đó HS tiểu học nhận xét không khí lớp học về mức độ giáo viên và quy trình làm việc của lớp học có kích thích ĐC bên trong hay không. Kết quả nghiên cứu cho thấy những giáo viên luôn kích thích tính tự chủ của HS sẽ làm HS cảm thấy không khí lớp học hỗ trợ cho tính tự chủ HS, vì thế mà HS thể hiện ĐC bên trong cao hơn và đánh giá bản thân tích cực hơn. Khi nghiên cứu trên HS lớp 4 và lớp 6, các tác giả Ryan & Grolnick (1986) cũng thu được kết quả tương tự.

Trong một nghiên cứu khác Deci và cộng sự (1981) [7] đã so sánh ĐC bên trong và sự nhận thức về năng lực bản thân của HS tiểu học một lớp dạy học theo nguyên tắc kích thích tính tự chủ với một lớp có không khí gò bó, thiếu thân thiện, cởi mở. Kết quả nghiên cứu cho thấy các HS của lớp học thứ nhất có ĐC bên trong cao hơn và đánh giá mình có năng lực hơn so với lớp học thứ hai.

Hàng loạt các nghiên cứu trên SV y khoa cũng khẳng định tầm quan trọng của không khí học tập kích thích tính tự chủ. Williams & Deci (1996) yêu cầu SV đánh giá mức độ các giáo sư kích thích tính tự

chủ nhờ một phiếu hỏi về không khí lớp học (*Learning Climate Questionnaire*). Ví dụ: "Thầy giáo tôi luôn tìm cách hiểu xem tôi nhìn nhận mọi việc như thế nào trước khi đề xuất ra một cách làm mới". Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng những SV đánh giá giáo sư của mình là người kích thích tính tự chủ thì có ĐC bên trong cao hơn và đánh giá mình có năng lực hơn.

Khi nghiên cứu trên SV làm việc theo nhóm nhỏ từ 6 đến 8 người, các tác giả Black & Deci (2000) [9] cũng thấy rằng những người lãnh đạo nhóm (là các SV khóa trên hoặc những sinh đã tốt nghiệp) kích thích tính tự chủ góp phần làm tăng ĐC mang tính tự quyết, sự đánh giá cao về năng lực bản thân và hứng thú học tập của SV.

Kết quả của hàng loạt các nghiên cứu đa văn hóa gần đây cũng khẳng định điều này. SV Nga đánh giá thầy cô giáo họ là độc đoán hơn, có ĐC bên trong cao hơn trong khi SV Mỹ có ĐC bên ngoài cao hơn. Tuy nhiên trên cả hai nhóm khách thể nghiên cứu, sự kích thích tính tự chủ của thầy cô giáo có ảnh hưởng tích cực đến ĐC mang tính tự quyết và sự hài lòng trong cuộc sống của SV (Chirkov & Ryan, 2001) [8]. Khi so sánh SV Mỹ và SV Đức, SV Đức đánh giá thầy cô giáo của họ đưa ra nhiều phản hồi tích cực hơn và có ĐC mang tính tự chủ cao hơn. Kết quả thu được trên hai nhóm nghiên cứu cho thấy một không khí lớp học được đánh giá là cởi mở, kích thích tính tự chủ của người học sẽ khuyến khích được ĐC mang tính tự quyết và sự hài lòng trong cuộc sống của SV (Levesque et al, 2004).

Từ việc nghiên cứu tổng quan các bài viết về ĐC theo lí thuyết về tính tự quyết cho thấy ĐC tự chủ có nhiều ảnh hưởng tích cực trong quá trình học tập, như: lựa chọn các phương pháp học tập có hiệu quả, có thái độ và tình cảm tích cực đối với học tập và kết quả học tập tốt. Các nghiên cứu theo lí thuyết này cũng chỉ ra một số yếu tố có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của ĐC tự quyết, đó là mối quan hệ liên nhân cách cởi mở, thân thiện và một bầu không khí học tập kích thích tính tự chủ của người học. Những kết quả này tái khẳng định tầm quan trọng của một thực tế giảng dạy hướng tới người học bằng cách tôn trọng, lắng nghe những ý kiến của họ, ủng hộ và đặt niềm tin vào họ.

Tuy nhiên, theo sự hiểu biết của chúng tôi, những nghiên cứu dựa trên lí thuyết về tính tự quyết ở Việt Nam vẫn còn rất ít. Bài viết này giới thiệu thêm một công cụ mới nghiên cứu về ĐC và có thể ứng dụng

(Xem tiếp trang 49)